

Bản án số: **99/2023/DS-PT**

Ngày: 13/3/2023

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng
đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trương Chí Anh;**

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Minh Hoàng

Bà Trần Thị Liên Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Lan – Thư ký TAND thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên
tòa:** bà Lê Thị Hồng Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2022/TLPT–DS ngày 06 tháng 10
năm 2022 về việc: *Tranh chấp quyền sử dụng đất.*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2022/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa
án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo,
Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng
02 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 126/TB-TA ngày 01/3/2023, giữa
các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tương T, sinh năm 1933; Địa chỉ: Thôn Quyết T,
xã TP, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. *Có mặt tại phiên tòa.*

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1945;
Địa chỉ: Thôn Quyết T, xã TP, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền là: ông Nguyễn Danh C, sinh năm 1976; địa chỉ: quận Hoàng
Mai, Hà Nội. *Bà B vắng mặt, anh Chuyên có mặt tại phiên tòa.*

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Tương T2, sinh năm 1959

2. Ông Nguyễn Tương H, sinh năm 1963

3. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1976

4. Ông Nguyễn Tương H2, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Thôn Quyết T, xã TP, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

5. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1962

6. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: Thôn Tiên Lữ, xã TP, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

Người đại diện theo của Ông Nguyễn Tương T2, Bà Nguyễn Thị T3, Ông Nguyễn Tương H2, Bà Nguyễn Thị H3 và Bà Nguyễn Thị H4 là: Ông Nguyễn Tương H, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn Quyết T, xã TP, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

7. Bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1942; địa chỉ: quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Nguyễn Thị H5 là: ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968; địa chỉ: quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

8. Ông Nguyễn Tương H6, sinh năm 1979; Địa chỉ: thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

9. Ông Nguyễn Tương D, sinh năm 1981; Địa chỉ: thị xã Sơn Tây, đường Phú Thịnh, thành phố Hà Nội.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Nguyễn Tương T trình bày:

Cụ Nguyễn Thị X(đã chết) sinh được 03 con gồm: Bà Nguyễn Thị M, Bà Nguyễn Thị H5, Bà Nguyễn Thị B. Cụ X không có con nuôi, con riêng nào khác.

Bà Nguyễn Thị M là vợ Ông Nguyễn Tương T. Bà M chết ngày 02/10/2019. Bà M và Ông T có 07 người con gồm: anh Nguyễn Tương H, anh Nguyễn Tương T2, anh Nguyễn Tương H, chị Nguyễn Thị H4, chị Nguyễn Thị T3, chị Nguyễn Thị H4, anh Nguyễn Tương H6. Bà M và Ông T không có con nuôi, con riêng nào khác.

Anh Nguyễn Tương H đã chết năm 2017. Vợ anh H là chị Nguyễn Thị T chết năm 2021. Anh H và chị Thân có 02 con chung gồm: anh Nguyễn Tương H5, sinh năm 1979 và anh Nguyễn Tương D, sinh năm 1981. Anh H và chị Thân không có con nuôi, con riêng nào khác.

Bà M có 212m² đất ruộng % tại cánh đồng sau làng, thôn Quyết T, xã TP, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Căn cứ chứng minh thể hiện tại: Sổ cấp đất 10% của Hợp tác xã nông nghiệp thôn Quyết T, xã TP lập năm 1993 thể hiện Bà Nguyễn Thị M có 212m² đất tại xứ đồng sau làng và các Phiếu nộp thuế hàng năm của Ông T. Diện tích đất nông nghiệp nói trên của Bà M không phải là của cụ Xuyến.

Đến ngày 17/11/2017 Bà B đã được cấp GCNQSD đất đối với mảnh đất nói trên, số diện tích ghi trong GCNQSD đất là 201m² đất. Tại Đơn khởi kiện Ông T đã yêu cầu Bà B trả lại 201m² đất tại cánh đồng sau làng, thôn Quyết T.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị B và người đại diện theo ủy quyền của Bà B trình bày:

Bà B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ông T do:

- Ông T đòi 212m² đất nông nghiệp của Bà M, nhưng 212m² đất đó ở đâu.
- Đối với 201m² đất nông nghiệp Bà B đã được cấp GCNQSD đất: 201m² đất này có nguồn gốc của cụ Xuyến.

Cụ Nguyễn Thị X(đã chết) sinh được 03 con gồm: Bà Nguyễn Thị M, Bà Nguyễn Thị H5, Bà Nguyễn Thị B. Cụ X không có con nuôi, con riêng nào khác.

Cụ X có 02 mảnh ruộng tại cánh đồng sau làng, thôn Quyết T, xã TP, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, diện tích 201m² và 230m² đất ruộng tại khu Trê Man (có GCNQSD đất đứng tên cụ Xuyến). Sau khi Cụ X chết, 3 chị em bà gồm: Bà M, Bà H5 và Bà B đã bàn bạc và thống nhất giao Bà B được toàn quyền sử dụng canh tác các mảnh ruộng trên, thể hiện ở Đơn đề nghị chuyển khẩu nhận ruộng theo Nghị định 64. Đến ngày 17/11/2017 Bà B đã được cấp GCNQSD đất đối với 02 thửa ruộng nói trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị H5, người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn Sỹ trình bày: Diện tích đất tại cánh đồng sau làng, thôn Quyết T, xã TP, huyện Chương Mỹ mà Ông T đang đòi là của Cụ X để lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà: Nguyễn Tương T2, Nguyễn Tương Hưng, Nguyễn Thị Tiên, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thị H4 đều ủy quyền cho Ông Nguyễn Tương H; Ông H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Tương T, đề nghị Bà B trả lại cho gia đình ông mảnh đất phần trăm diện tích 201m² tại cánh đồng sau làng.

Tại bản án sơ thẩm số 88/2022/DS-ST ngày 07/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ đã xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Tương T đối với Bà Nguyễn Thị B; Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 20/7/2022, nguyên đơn Ông Nguyễn Tương T đã làm đơn kháng cáo kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo;

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của các Thẩm phán và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, thư ký Tòa án và các thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định

của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS năm 2015.

- Về nội dung: Xét nội dung đơn kháng cáo của Ông T

+ Về nguồn gốc thửa đất: Theo Tờ bản đồ đo đạc năm 2000 (chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt) và sổ mục kê năm 2000 thì thửa đất số 565 tại cánh đồng sau làng thôn Quyết T, xã TP, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội của bà Nguyễn Thị Xuyến, diện tích sử dụng 201m² đất.

Sau khi Cụ Xchết, Bà M, Bà H5, Bà B đã bàn bạc và thống nhất để cho Bà B được toàn quyền sử dụng canh tác các mảnh ruộng trên thể hiện ở Đơn đề nghị chuyển khẩu nhận ruộng theo Nghị định 64. Ngày 17/11/2017, UBND huyện Chương Mỹ đất cấp GCNQSDĐ số CH 197235 cho hộ Bà Nguyễn Thị B, trong đó có 201m² đất tại xứ đồng sau làng thôn Quyết T.

Ông T cung cấp sổ cấp đất phần trăm nhưng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, cũng không thể hiện thửa đất của Bà M là thửa đất bao nhiêu để tra cứu. UBND xã TP cũng khẳng định hồ sơ địa chính lưu tại xã chỉ còn Tờ bản đồ đo năm 2000, Sổ mục kê năm 2000, các tài liệu trước thời điểm năm 2000 UBND xã không còn lưu trữ. Đối với đất phần trăm của Bà M (vợ Ông T), UBND xã TP khẳng định: Năm 2013, Tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn Quyết T không chuyển diện tích đất phần trăm của Bà Nguyễn Thị M cho Bà Nguyễn Thị B.

Tại Công văn số 47/UBND-TP ngày 26/3/2020 về việc trả lời đơn kiến nghị của Ông Nguyễn Tương T thể hiện:

Theo Sổ quản lý nhân hộ khẩu của UBND xã TP lập năm 1993 thể hiện tại thời điểm giao ruộng theo Nghị định 64/CP năm 1993 của Chính Phủ, hộ Ông Nguyễn Tương T gồm 06 nhân khẩu được chia ruộng, gồm: Nguyễn Tương Thảo, Nguyễn Thị Mỹ (vợ), Nguyễn Thị Tiên (con), Nguyễn Tương Hưng (con), Nguyễn Thị H4 (con), Nguyễn Thị Xuyến (mẹ vợ Ông T). Không có khẩu của bà Nguyễn Thị Tiến (cháu gái Ông T).

Năm 2013, thực hiện dồn điền đổi thửa, diện tích đất nông nghiệp 01 khẩu của Bà Nguyễn Thị T3 (con Ông T) đã được Tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn Quyết T chuyển về bên nhà chồng của Bà T3 là hộ ông Tống Quang Hạ; diện tích đất nông nghiệp 01 khẩu của bà Nguyễn Thị Xuyến (mẹ vợ Ông T) do bà Xuyến chết năm 2009 không để lại di chúc và các con của bà Xuyến chưa thống nhất việc phân chia di sản thừa kế nên Tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn Quyết T giao đất riêng vẫn đứng tên bà Xuyến. Hộ Ông T được giao 04 khẩu còn lại gồm: Nguyễn Tương Thảo, Nguyễn Thị Mỹ (vợ), Nguyễn Tương Hưng (con), Nguyễn Thị H4 (con) với tổng diện tích 2.150m²...

Như vậy, năm 2013 thực hiện dồn điền đổi thửa thì diện tích đất % của HGD Ông T đã được giao đủ. Do đó, Ông T cho rằng đất phần trăm tại cánh đồng sau làng thôn Quyết T của Bà M (vợ Ông T) nằm trong số diện tích đất phần trăm tại cánh đồng sau làng thôn Quyết T của Cụ Xnhưng Ông T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh 201m² đất tại xứ đồng sau làng thôn Quyết T đã cấp GCNQSDĐ cho Bà B là đất phần trăm của Bà M nên Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của Ông T là có căn cứ.

Như vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS 2015: Giữ nguyên bản án DSST số 88/2022/DS-ST ngày 07/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Nguyên đơn – Ông Nguyễn Tương T có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định. Ông T được xác định là người cao tuổi nên không phải nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, do vậy xác định kháng cáo của Ông T là hợp lệ.

Đối với một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập đến phiên tòa cũng như tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

2. Về Nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1. Về nguồn gốc thửa đất: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự có căn cứ xác định, diện tích đất đang tranh chấp là thửa đất số 565 tại cánh đồng sau làng thôn Quyết T, xã TP, huyện Chương Mỹ, Hà Nội, có nguồn gốc là đất được giao theo Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, cho cụ Nguyễn Thị Xuyến, diện tích 201m² (diện tích đo đạc thực tế là 210,5m²).

Ngày 14/11/2013 Bà Nguyễn Thị B đã có Đơn đề nghị chuyển khẩu nhận ruộng theo Nghị định 64 đối với diện tích 431m² đất đã cấp cho cụ Nguyễn Thị Xuyến, gồm: xứ đồng Sau Làng là 201m² và Trệ Man là 230m². Tại đơn đề nghị này có chữ ký xác nhận sự đồng ý của 3 chị em Bà B là Bà Nguyễn Thị M (vợ Ông T), Bà Nguyễn Thị H5 và Bà Nguyễn Thị B. Ngày 17/11/2017 UBND huyện Chương Mỹ đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH197235 cho hộ Bà Nguyễn Thị B đối với thửa đất số 431m² đất nêu trên, trong đó có 201m² đất tại xứ đồng Sau Làng. Như vậy việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp với quy định.

2.2. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ông T, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ văn bản số 47/UBND-TP ngày 26/3/2020 của UBND xã TP về việc trả lời đơn kiến nghị của Ông Nguyễn Tương T có cơ sở để xác định: Việc dồn điền đổi thửa năm 2013 đã

giao đủ đất nông nghiệp cho hộ gia đình Ông Nguyễn Tương T, gồm 4 khẩu là Ông Nguyễn Tương T, Bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Tương Hưng và chị Nguyễn Thị H4 với tổng diện tích là 2,150m². Do đó việc Ông T cho rằng Bà M còn có 212m² đất ruộng phần trăm tại cánh đồng sau làng thôn Quyết T và đã bị Bà Nguyễn Thị B nhập phần diện tích đó vào diện tích đất của Bà B là không có cơ sở.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Ông T xuất trình bản photocopy Sổ cấp đất % của Hợp tác xã thôn Quyết T năm 1993 thể hiện Bà Nguyễn Thị M được cấp 212m² đất tại xứ đồng Sau Làng. Tuy nhiên tài liệu này không có xác nhận chứng thực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ngoài ra cũng không có căn cứ nào xác định 212m² đất này (nếu có) đã bị nhập vào diện tích đất của Bà B.

Tại cấp phúc thẩm Ông T không xuất trình tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông. Do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của Ông T.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

3. Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Ông Nguyễn Tương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Tuy nhiên Ông T được xác định là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật người cao tuổi năm 2009

Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban tH4 vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Tương T; giữ nguyên bản án số 88/2022/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội và tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Tương T đối với Bà Nguyễn Thị B.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Tương T được miễn toàn bộ án phí.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND.TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS huyện Chương Mỹ;
- Cục THA DS Tp. Hà nội
- Lưu Văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Chí Anh